Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 04.10.2023 15:35

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CH VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2541 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 43/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2533/QĐ-BCT ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ủy quyền Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ ký một số văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ NATEK tại Đơn đăng ký chỉ định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ NATEK *(Địa chỉ Công ty: Số CC-15, đường số 12, KDC công ty 8, KV2, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ phòng thử nghiệm: Km 11, Quốc lộ 21, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội)* thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này (*Phụ lục*).

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **36/2023/BCT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ NATEK có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ NATEK và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Y tế; Bộ NN&PTNT (để biết);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương (*để đăng tải*);
- Lưu: VT, KHCN, dieudx.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lý Quốc Hùng

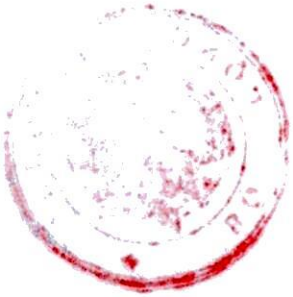

Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

Kèm theo Quyết định số: 2541 /QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2023

TT	Phạm vi áp dụng	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo
I	**Lĩnh vực vi sinh**			
1	Bia; Rượu, cồn và đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C	ISO 4833-1:2013 /Amd.1:2022	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
2	Bia; Rượu, cồn và đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
3	Bia; Rượu, cồn và đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng Coliforms	ISO 4832:2006 TCVN 6848:2007	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
4	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng *E.coli* dương tính beta-glucuronidaza	ISO 16649-2:2001 TCVN 7924-2:2008	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
5	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh	Định lượng nấm men và nấm mốc (aw ≤0,95)	ISO 21527-2 :2008	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml

TT	Phạm vi áp dụng	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo
	bột; Bánh, mứt, kẹo			
6	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng nấm men và nấm mốc (aw >0,95)	ISO 21527-1:2008	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
7	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase	ISO 6888-1:2021	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
8	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng Clostridium perfringens	ISO 7937:2004 TCVN 4991:2005	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
9	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng Bacillus cereus	ISO 7932:2004 /Amd.1:2020	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
10	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Định lượng *Listeria monocytogenes*	ISO 11290-2:2017	LOQ= 10 CFU/g và 1 CFU/ml
11	Bia; Rượu, đồ uống có cồn;	Phát hiện *Listeria monocytogenes*	ISO 11290-1:2017	eLOD =2 CFU/25g (ml)

TT	Phạm vi áp dụng	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo
	Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo			
12	Bia; Rượu, đồ uống có cồn; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Phát hiện *Salmonella* spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd.1: 2020	eLOD =3 CFU/25g (ml)
II	**Lĩnh vực hóa**			
1	Sữa chế biến; Bột, tinh bột; Bánh, mứt kẹo; Dầu thực vật; Nước giải khát	Xác định hàm lượng Cyclamate. Phương pháp HPLC	TCVN 8472:2010 (EN 12857 : 1999)	LOD=100mg/kg
2	Sữa chế biến; Bột, tinh bột; Bánh, mứt kẹo; Dầu thực vật; Nước giải khát	Xác định hàm lượng Saccharin. Phương pháp HPLC	TCVN 10033:2013 (EN 1379:1996)	LOD=25mg/kg
3	Sữa chế biến; Bột, tinh bột; Bánh, mứt kẹo; Dầu thực vật; Nước giải khát	Xác định hàm lượng Acesulfame K, Aspartame. Phương pháp HPLC	NTL-HH305 Ref. TCVN 8471:2010 (EN 12856:1999)	LOD=25mg/kg
4	Bia; rượu; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Mứt, kẹo.	Xác định kim loại Chì (Pb). Phương pháp GF-AAS	AOAC 999.11	LOD=0,016 mg/kg (thực phẩm); 3,3 ug/kg (sữa)
5	Bia; rượu; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Mứt, kẹo.	Xác định kim loại Cadimi (Cd). Phương pháp GF-AAS	AOAC 999.11	LOD=0,002mg/kg

TT	Phạm vi áp dụng	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo
6	Bia; rượu; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Mứt, kẹo.	Xác định hàm lượng Asen (As). Phương pháp Hydride -AAS	AOAC 986.15	LOD=0,01mg/kg
7	Bia; rượu; Nước giải khát; Sữa chế biến; Dầu thực vật; Bột, tinh bột; Mứt, kẹo.	Xác định hàm lượng Cu, Zn. Phương pháp F-AAS	AOAC 999.11	LOD = 0.33mg/kg (Cu); 0.33mg/kg (Zn)
8	Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Xác định hàm lượng Ẩm Phương pháp trọng lượng	NTL-HH289 Ref.FAO 14/7: 1986, p.205	/
9	Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Xác định hàm lượng Tro Phương pháp nung	NTL-HH290 Ref. FAO 14/7:1986, p.228	/
10	Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Xác định hàm lượng chất Béo Phương pháp khối lượng	NTL-HH288 Ref. FAO 14/7:1986, p.214-219	/
11	Bột, tinh bột; Bánh, mứt, kẹo	Xác định hàm lượng Đạm (protein thô) Phương pháp Kjeldahl	NTL-HH291 Ref. FAO 14/7:1986, p.221-223	/
12	Sữa chế biến	Xác định Hàm lượng Béo	TCVN 6688-1:2007 (ISO 8262-1: 2005)	/
13	Sữa chế biến	Xác định hàm lượng Nitơ và tính Protein thô Phương pháp Kjeldahl	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1: 2014)	/